

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 927/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 23/08/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 59/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/01/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2017/QĐXXST-HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2017/ QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1976

Hộ khẩu thường trú: 50/15 Bà Lê Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 74/10A, đường số 6, hẻm 74, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Phú Minh N, sinh năm: 1978

Hộ khẩu thường trú: 109/47/10 đường số A, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B và ông Mai Phú Minh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ

Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 ngày 23/01/2007. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên sống chung tại căn nhà số 50/15 Bà Lê Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian ngắn khoảng 02 tháng, sau đó chuyển về sống chung tại địa chỉ: 109/47/10 Đường số 8, khu phố 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ năm 2007 đến năm 2009. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không giải quyết được nên từ tháng 02/2010 bà Bích đã chuyển ra ngoài sống riêng và vợ chồng thực tế không còn sống chung từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bích khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Phú Minh N.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn ông Mai Phú Minh N: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì hiện tại ông Mai Phú Minh N đang cư ngụ tại địa chỉ số 109/47/10 đường số A, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Mai Phú Minh N đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn ông Mai Phú Minh N, bên nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

Bị đơn ông Mai Phú Minh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức thì địa chỉ nơi cư trú hiện tại của ông Mai Phú Minh N là: 109/47/10 đường số A, khu phố B, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Mai Phú Minh N đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Mai Phú Minh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị B và ông Mai Phú Minh N tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 ngày 23/01/2007. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bích và ông Nhung là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà Huỳnh Thị B tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay thì bà và ông Nhung kết hôn tự nguyện, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hiểu nhau nên thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng không giải quyết được. Từ năm 2010 cho đến nay thì vợ chồng bà thực tế không còn sống chung với nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mai Phú Minh N để ổn định cuộc sống.

Xét, với trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì hiện tại vợ chồng bà Bích, ông Nhung đã sống ly thân, mỗi người ở mỗi nơi, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ, lo lắng cho nhau nữa, vì thế mà mục đích của hôn nhân không thể đạt được do đời sống chung vợ chồng không thực tế tồn tại. Bị đơn ông Mai Phú Minh N cũng đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa

án đối với yêu cầu ly hôn của bà Bích, điều này thể hiện ông Nhung không còn sự quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà Bích.

Vì lý do trên, căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280, Điều 264, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị B và ông Mai Phú Minh N.

1.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0004640 ngày 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Mai Phú Minh N vắng mặt tại phiên tòa có được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND phường Tân Định, Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang